TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 11866



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

**Môn học - Nhóm: Đường lối CM của Đảng CSVN (200104) - 32** 70% **CBGD: ()**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 30 % | Đ2 __ % | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 15124382 | Nguyễn | An | DH15QLNT | | | 7.0 | | 6,5 | 6.7 | 6 | 7 |
| 2 | 15124383 | Nguyễn Lê Đức | Anh | DH15QLNT | | | 7.0 | | 7.0 | 7.0 | 7 | 0 |
| 3 | 15124384 | Phan Lệ | Cầm | DH15QLNT | | | 7.0 | | 4.0 | 4.9 | 4 | 9 |
| 4 | 15124385 | Vũ Trung | Chuyên | DH15QLNT | | | 7.0 | | / | / | | |
| 5 | 15124386 | Nguyễn Thị Kim | Cúc | DH15QLNT | | | 8.5 | | 3.0 | 4.7 | 4 | 7 |
| 6 | 15124387 | Nguyễn Thị Minh | Hiệp | DH15QLNT | | | 7.0 | | 3.0 | 4.2 | 4 | 2 |
| 7 | 15124388 | Trương Điền | Quân | DH15QLNT | | | 7.0 | | 6.0 | 6.3 | 6 | 3 |
| 8 | 15124389 | Lê Thị | Thủy | DH15QLNT | | | 8.5 | | 7.0 | 7.5 | 7 | 5 |
| 9 | 15124390 | Lê Văn | Tiến | DH15QLNT | | | 7.0 | | 5.0 | 5.6 | 5 | 6 |
| 10 | 15124391 | Quảng Thị Thanh | Tiền | DH15QLNT | | | 8.5 | | 5.0 | 6.1 | 6 | 1 |
| 11 | 15124392 | Nguyễn Hải | Yến | DH15QLNT | | | 8.5 | | 4.5 | 5.7 | 5 | 7 |
| 12 | 15124431 | Đỗ Ngọc Thanh | Cầm | DH15QLNT | | | 8.5 | | 7.0 | 7.5 | 7 | 5 |
| 13 | 15124434 | Lộ Lưu Ngọc | Giầu | DH15QLNT | | | 7.0 | | 4.5 | 5.3 | 5 | 3 |
| 14 | 15124436 | Lê Hoàng | Huy | DH15QLNT | | | 7.0 | | 6.0 | 6.3 | 6 | 3 |
| 15 | 15124437 | Vũ Đình | Huy | DH15QLNT | | | 7.0 | | 4.5 | 5.3 | 5 | 3 |
| 16 | 15124438 | Nguyễn Thị | Linh | DH15QLNT | | | 7.0 | | 6.5 | 6.7 | 6 | 7 |
| 17 | 15124439 | Lê Thị Bích | Phượng | DH15QLNT | | | 7.0 | | 7.0 | 7.0 | 7 | 0 |
| 18 | 15124442 | Nguyễn Lê Quách | Thiệu | DH15QLNT | | | 7.0 | | 4.0 | 4.9 | 4 | 9 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo

Mã nhận dạng 11866



# DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2015 - 2016

**Môn học - Nhóm: Đường lối CM của Đảng CSVN (200104) - 32** **CBGD: ()**

| STT | Mã SV | Họ và tên SV | | Mã lớp | Chữ ký | Số tờ | Đ1 __% | Đ2 __% | Điểm thi | Điểm T. kết | Điểm phần nguyên | Tô điểm lẻ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 15124445 | Trần Thành | Tiến | DH15QLNT | | | 7.0 | | 5.0 | 5.6 | 5 | 6 |
| 20 | 15124447 | Lưu Thị Trần | Truyền | DH15QLNT | | | 7.0 | | 5.5 | 6.2 | 6 | 2 |
| 21 | 15124448 | Thuận Ngọc | Tuấn | DH15QLNT | | | 7.0 | | 6.0 | 6.3 | 6 | 3 |

**Số lượng vắng:** 01 **Hiện diện:** 20

| Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 | Xác nhận của khoa/bộ môn | Cán bộ chấm thi 1 | Cán bộ chấm thi 2 |
|---|---|---|---|---|
| Lê Thị Bạch Nhi | Vũ Xuân Diệu | | Ng Thị Khánh Thảo | |

Ngày in : 04/06/2016 11:31